

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03/2020/QĐST-HNGĐ**

*Thống Nhất, ngày 31 tháng 7 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm h, khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 1 Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 263/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Chị **Huỳnh Thị Th**, sinh năm 1988.

Nơi ĐKNKTT: Số 124/2 ấp B 2, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ: Số nhà 142 đường Đ, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh **Phạm Nguyễn Anh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 124/2 ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Th và anh Phạm Nguyễn Anh T chung sống, đăng ký kết hôn ngày 13/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải chị Th và anh T không về đoàn tụ chung sống với nhau và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự tự nguyện ly hôn của chị Th, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

[2] Về con chung: Chị Huỳnh Thị Th và anh Phạm Nguyễn Anh T có 01 (một) con chung là cháu Phạm Huỳnh Mẫn N, sinh ngày 31/5/2017. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu N cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng là 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Th, anh T thống nhất không tính lãi suất trong trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Việc thỏa thuận của chị Th và anh T về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Th, anh T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 23/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Th và anh Phạm Nguyễn Anh T.

- **Về con chung:** Giao cháu Phạm Huỳnh Mẫn N, sinh ngày 31/5/2017 cho chị Huỳnh Thị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Phạm Nguyễn Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Th, anh T thống nhất không tính lãi suất trong trường hợp anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi, vì quyền lợi của con, đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- **Về tài sản chung:** Chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí: Chị Th, anh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006112 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thông Nhất. Chị Th, anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thông Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thông Nhất;
- UBND xã Gia Tân 2;
- Lưu hồ sơ; VP.

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Kiều Vân**